

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số: 184 /BC-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2025 của UBND huyện Thạch An)
Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện (Quý I)	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	26.800	16.793	62,66	197,05
I	Thu cân đối NSNN	26.800	16.793	62,66	197,05
1	Thu nội địa	26.800	16.793	62,66	197,05
2	Thu viện trợ	-	-		
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	626.001	128.399	20,51	103,59
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	626.001	128.399	20,51	103,59
1	Chi đầu tư phát triển	98.147	32.883	33,50	75,14
2	Chi thường xuyên, chương trình mục tiêu	527.854	95.516	18,10	119,12
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên	-	-		

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số: 184 /BC-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2025 của UBND huyện Thạch An)

ĐV tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025	Thực hiện năm 2025 (Quý I)	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ 2024
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	26.800	16.793	62,66	197,05
I	Thu nội địa	26.800	16.793	62,66	197,05
1	Thu từ DNNN do TW quản lý	250,00	53,90	21,56	75,71
2	Thu từ DNNN do địa phương quản lý	195,00	22	11,12	
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	17.100	8.967	52,44	211,35
4	Thuế thu nhập cá nhân	700,00	585	83,51	120,96
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	3.500	1.087	31,05	119,03
7	Thu phí, lệ phí	2.300	300,19	13,05	52,31
8	Các khoản thu về nhà, đất	925	2.024	218,86	
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	40,00	3,21	8,02	
-	Thu tiền sử dụng đất	500	2.021	404,25	
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	385,00		-	
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
9	Thu đóng góp từ hoạt động khoáng sản	130,00	3.106,56		
10	Thu khác ngân sách	1.700	648,02	38,12	76,09
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác				
II	Thu viện trợ				
B	THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	23.590	11.056	46,87	177,80
1	Từ các khoản thu phân chia				
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	23.590	11.056	46,87	177,80

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số: 184 /BC-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2025 của UBND huyện Thạch An)

ĐV tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025	Thực hiện năm 2025 (Quý I)	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm 2024
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	626.001	128.399	20,51	103,59
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	626.001	128.399	20,51	103,59
I	Chi đầu tư phát triển	98.147	32.883	33,50	75,14
1	Vốn cân đối NSDP	8.167	3.227	39,52	140,08
2	Vốn NSTW	89.980	29.655	32,96	71,53
II	Chi thường xuyên	526.278	95.516	18,15	119,12
	Trong đó:				
1	Chi Quốc phòng - An ninh	11.319	1.714	15,14	252,44
2	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	258.698	46.442	17,95	132,58
3	Chi khoa học và công nghệ				
4	Chi y tế, dân số và gia đình	35.668	7.930	22,23	130,81
5	Chi SN văn hóa phát thanh truyền hình, thể thao	6.153	724	11,77	126,71
6	Chi bảo vệ môi trường	3.140	-	0,00	
7	Chi hoạt động kinh tế	28.140	492	1,75	4,34
8	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	159.058	30.327	19,07	136,52
9	Chi bảo đảm xã hội	24.102	7.075	29,36	164,60
10	Chi khác		812		
III	Chi thường xuyên vốn sự nghiệp thực hiện các CTMTQG năm 2024	1.576	-	0,00	
1	NSTW thực hiện các CTMTQG	1.576	-		
	CTMTQG phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi				
	CTMTQG Giảm nghèo bền vững				
	CTMTQG Xây dựng Nông thôn mới	1.576			
2	NSDP (nguồn tăng thu đối ứng thực hiện các CTMTQG - Dự án 5 hỗ trợ nhà ở)				
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	-	-		